

KẾ HOẠCH

đào tạo cao cấp lý luận chính trị và bồi dưỡng cán bộ năm 2022

- Căn cứ Quyết định số 152-QĐ/TW, ngày 26/10/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức Trung ương;

- Thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý;

- Căn cứ Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị;

- Căn cứ Kết luận số 09-KL/TW, ngày 09/7/2021 của Ban Bí thư về xác định trình độ lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên;

- Căn cứ tình hình thực hiện công tác đào tạo cao cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng cán bộ năm 2021, nhu cầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương và năng lực đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Thông báo số 928-TB/BTCTW, ngày 09/4/2020 của Ban Tổ chức Trung ương về kết luận một số nội dung đổi mới công tác đào tạo cao cấp lý luận chính trị;

Ban Tổ chức Trung ương ban hành Kế hoạch đào tạo cao cấp lý luận chính trị và bồi dưỡng cán bộ năm 2022 như sau:

1. Đào tạo cao cấp lý luận chính trị

1.1. Số lượng: Tổ chức đào tạo cao cấp lý luận chính trị cho 12.312 học viên (221 lớp), trong đó: 4.686 học viên (94 lớp) hệ tập trung, 5.586 học viên (93 lớp) hệ không tập trung (*chi tiết xem tại Phụ lục*) và 2.040 học viên (34 lớp) hoàn chỉnh.

1.2. Đối tượng, tiêu chuẩn đào tạo theo Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư.

Đối với đối tượng hệ hoàn chỉnh cao cấp lý luận chính trị phải đáp ứng thêm một trong các tiêu chuẩn sau đây (bằng tốt nghiệp cấp trước ngày 09/7/2021):

+ Tốt nghiệp đại học chính trị chuyên ngành và sau đại học trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (gồm cả Học viện Trung tâm và các học viện chính trị khu vực). Tốt nghiệp sau đại học tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

+ Tốt nghiệp đại học văn bằng 2 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền các chuyên ngành: Triết học Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Kinh tế chính trị học Mác-Lênin; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Chính trị học.

+ Tốt nghiệp đại học và đã được cấp giấy xác nhận tương đương trình độ cao cấp lý luận chính trị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền trước ngày 01/6/2016 cho các trường hợp khi đi học là sinh viên, không thuộc đối tượng học cao cấp lý luận chính trị.

+ Đối tượng học hoàn chỉnh cao cấp lý luận chính trị của lực lượng vũ trang (Tại 2.2, mục II, Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW, ngày 09/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện Kết luận số 25-KL/TW, ngày 28/12/2017 của Ban Bí thư về việc giao quyền đào tạo và xác nhận trình độ cao cấp lý luận chính trị đối với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an) bao gồm: cán bộ dân sự; cán bộ chiến sĩ đã chuyển ngành sang cơ quan dân sự; cán bộ lực lượng vũ trang biệt phái sang cơ quan dân sự; cán bộ lực lượng vũ trang...

1.3. Nguyên tắc

- Tăng đào tạo hệ tập trung, giảm đào tạo hệ không tập trung, thực hiện theo tỷ lệ tập trung/không tập trung là 1/1,2.

- Tổ chức lớp học với sĩ số: Lớp tập trung không quá 50 học viên/lớp; lớp không tập trung và lớp hoàn chỉnh cao cấp lý luận chính trị không quá 60 học viên/lớp.

- Thực hiện xét cử cán bộ đi học đúng số lượng chỉ tiêu phân bổ đào tạo cao cấp lý luận chính trị, nhất là với hệ tập trung. Sau khi khai giảng lớp cao cấp lý luận chính trị không được thay thế, bổ sung học viên.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện cử 1 cán bộ hệ tập trung thì được cử 1,2 cán bộ học hệ không tập trung; lập danh sách cán bộ đi học đúng tiêu chuẩn, đối tượng quy định gửi về Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Ban Tổ chức Trung ương (qua Cục Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ).

1.4. Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo cao cấp lý luận chính trị

- Thực hiện đào tạo cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các học viện chính trị khu vực, hạn chế tổ chức lớp không tập trung tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ động thành lập hội đồng xét duyệt, thẩm định danh sách học viên cao cấp lý luận chính trị (đầu vào, đầu ra) theo quy định hiện hành và gửi danh sách nhập học, danh sách học viên tốt nghiệp trước khi khai giảng, bế giảng (danh sách trích ngang học viên) về Ban Tổ chức Trung ương (gồm cả Học viện Trung tâm và các học viện chính trị khu vực). Ban Tổ chức Trung ương thực hiện kiểm tra, giám sát để đảm bảo đào tạo đúng chỉ tiêu, đối tượng, tiêu chuẩn; nếu có sai sót sẽ đề nghị xem xét, xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương thí điểm mở lớp đào tạo cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại các cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu đủ các điều kiện đảm bảo cho việc mở lớp): tại Quảng Ninh, Nghệ An, Nam Định, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Quảng Bình, Kon Tum, Gia Lai, Bình Phước, Kiên Giang. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương khảo sát, xây dựng kế hoạch thí điểm để tổ chức các lớp cho phù hợp, hiệu quả, chất lượng.

2. Bồi dưỡng cán bộ

2.1. Số lượng: Tổ chức 32 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng Đảng, bồi dưỡng cập nhật kiến thức theo chức danh, trong đó:

- 02 lớp Bồi dưỡng bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương.
- 04 lớp Bồi dưỡng phó bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương.

- Tổ chức 06 lớp Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ cấp ủy cấp tỉnh và tương đương: trưởng ban, phó trưởng ban tổ chức (1 lớp), tuyên giáo (1 lớp), dân vận (1 lớp), nội chính (1 lớp); chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra (1 lớp) và chánh, phó chánh văn phòng (1 lớp).

- Tổ chức 20 lớp Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ cấp ủy cấp huyện và tương đương: trưởng ban, phó trưởng ban tổ chức (4 lớp), tuyên giáo (4 lớp), dân vận (4 lớp); chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra (4 lớp) và chánh, phó chánh văn phòng (4 lớp).

2.2. Tiếp tục đổi mới công tác bồi dưỡng cán bộ

- Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình bồi dưỡng theo hướng thiết thực, cập nhật kiến thức và đáp ứng yêu cầu người học trong tình hình mới. Đổi mới với bồi dưỡng nghiệp vụ, cần giảm tối đa lý thuyết, tăng nội dung chuyên môn, nghiệp vụ mới, xử lý tình huống.

- Đối với bồi dưỡng chức danh, nội dung cần đổi mới theo hướng cập nhật trí thức, kỹ năng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ.

3. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại các cơ sở đào tạo và cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn hệ thống chính trị.

Đề nghị cấp ủy các cấp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Ban Tổ chức Trung ương để điều chỉnh, bổ sung.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
Đã ký: Hoàng Đăng Quang

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG

*

Số 432-BS/VPTU

SAO LỤC

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Nơi nhận:

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- BTV các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- C, PCVP, P. TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG


Nguyễn Thị Ngọc Bích

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO CAO CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số 60 - KH/BTCTW, ngày 28/02/2022)

A. CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

ĐVT: học viên

TT	Địa phương, đơn vị	Hệ tập trung	Hệ không tập trung
1	Hà Nội	100	120
2	TP Hồ Chí Minh	115	138
3	Hải Phòng	80	96
4	Hà Giang	66	80
5	Cao Bằng	43	52
6	Lai Châu	50	60
7	Điện Biên	51	62
8	Lào Cai	50	60
9	Tuyên Quang	40	48
10	Lạng Sơn	45	54
11	Bắc Kạn	30	36
12	Thái Nguyên	65	78
13	Yên Bái	36	44
14	Sơn La	58	70
15	Phú Thọ	50	60
16	Vĩnh Phúc	50	60
17	Quảng Ninh	100	120
18	Bắc Giang	50	60
19	Bắc Ninh	18	22
20	Hải Dương	50	60
21	Hưng Yên	50	60
22	Hòa Bình	54	65
23	Hà Nam	15	18
24	Nam Định	76	92
25	Thái Bình	48	58
26	Ninh Bình	50	60
27	Thanh Hóa	50	60
28	Nghệ An	100	120
29	Hà Tĩnh	61	74
30	Đà Nẵng	57	69

TT	Địa phương, đơn vị	Hệ tập trung	Hệ không tập trung
31	Quảng Bình	53	64
32	Quảng Trị	35	42
33	Thừa Thiên - Huế	65	60
34	Quảng Nam	96	116
35	Quảng Ngãi	50	60
36	Bình Định	90	108
37	Phú Yên	50	60
38	Khánh Hòa	61	74
39	Kon Tum	92	111
40	Gia Lai	100	120
41	Đắk Lắk	82	99
42	Đắk Nông	50	60
43	Cần Thơ	66	80
44	Ninh Thuận	50	60
45	Bình Thuận	55	66
46	Lâm Đồng	63	76
47	Bình Phước	100	120
48	Bình Dương	65	78
49	Tây Ninh	60	72
50	Đồng Nai	45	54
51	Bà Rịa - Vũng Tàu	55	60
52	Long An	50	60
53	Đồng Tháp	98	118
54	An Giang	50	60
55	Tiền Giang	60	72
56	Hậu Giang	112	135
57	Bến Tre	50	60
58	Vĩnh Long	51	60
59	Trà Vinh	70	84
60	Sóc Trăng	55	66
61	Kiên Giang	60	72
62	Bạc Liêu	40	48
63	Cà Mau	71	86
	CỘNG	3.858	4.617

B. CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRUNG ƯƠNG

ĐVT: học viên

TT	Cơ quan, đơn vị Trung ương	Hệ tập trung					Hệ không tập trung				
		Tổng	Bắc	Trung	Nam	Cần Thơ	Tổng	Bắc	Trung	Nam	Cần Thơ
1	Ban Đối ngoại Trung ương	1	1				1	1			
2	Ban Kinh tế Trung ương	3	3				3	3			
3	Ban Nội chính Trung ương	1	1				2	1		1	
4	Ban Tổ chức Trung ương	4	4				5	5			
5	Ban Tuyên giáo Trung ương	8	8				5	5			
6	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	9	9				11	10		1	
7	Bảo Nhân dân	4	4				5	1	1	3	
8	Bộ Công Thương	34	22	8	4		41	26	6	9	
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	92	67		25		111	81		30	
10	Bộ Giao thông vận tải	13	7	6			16	13		2	1
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	9	7	2			11	9	1		1
12	Bộ Khoa học và Công nghệ	23	22		1		28	28			
13	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	11	9		2		14	10		3	1
14	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25	18	3	4		30	25	2	3	
15	Bộ Ngoại giao	25	25				35	33		2	
16	Bộ Nội vụ	33	29	2	2		43	35	5	3	
17	Bộ Tài chính	40	40				48	48			
18	Bộ Tài nguyên và Môi trường	20	20				24	24			
19	Bộ Thông tin và Truyền thông	25	25				30	30			
20	Bộ Tư pháp	23	22			1	28	28			
21	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	22	19		3		27	24	1	2	
22	Bộ Xây dựng	13	6	3	4		16	16			
23	CQ Ủy ban Kiểm tra TW	7	7				2	2			
24	Bộ Y tế	30	21	4	5		36	25	5	6	
25	Đại học Quốc gia Hà Nội	16	16				19	19			
26	Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh	10			10		12			12	
27	Đài Tiếng nói VN	10	10				12	12			
28	Đài Truyền hình Việt Nam	10	10				12	12			
29	Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương	4	4				1	1			
30	Đảng ủy khối Doanh nghiệp Trung ương	3	3				4	4			
31	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	30	21		8	1	16	16			
32	Hội Nhà văn Việt Nam	1	1				1	1			
33	Kiểm toán Nhà nước	43	29	4	8	2	28	23	1		4
34	LH các Hội Khoa học và Kỹ thuật VN	3	3				4	4			
35	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật VN	3	3				3	3			
36	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị VN	2	2				1	1			
37	Liên minh Hợp tác xã VN	8	8				10	10			
38	Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật	5	5				6	6			
39	Ngân hàng Nhà nước VN	5	5				6	6			
40	Phòng Thương mại và Công nghiệp VN	3	3				3	3			
41	Tạp chí Cộng sản	2	2				2	2			
42	Thanh tra Chính phủ	22	17		5		27	21		6	
43	Thông tấn xã Việt Nam	7	7				8	8			
44	Tòa án nhân dân tối cao	18	18				22	22			
45	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	17	13	1	3		21	15	1	5	
46	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	12	12				15	15			

TT	Cơ quan, đơn vị Trung ương	Hệ tập trung					Hệ không tập trung				
		Tổng	Bắc	Trung	Nam	Cần Thơ	Tổng	Bắc	Trung	Nam	Cần Thơ
47	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ VN	6	6				6	5		1	
48	Trung ương Hội Nông dân VN	8	8				10	7	2		1
49	Ủy ban Dân tộc	8	8				9	9			
50	Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia	3	3				4	4			
52	Ủy ban TƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	3	3				4	4			
53	Văn phòng Chính phủ	6	5		1		8	8			
54	Văn phòng Quốc hội	6	6				8	8			
55	Văn phòng Trung ương	5	3		2		6	3		3	
56	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN	11	11				14	14			
57	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN	20	20				20	20			
58	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	17	14		3		21	17		4	
59	Ban Cơ yếu Chính phủ	5	5				6	6			
60	Ban Dân vận Trung ương						1	1			
61	Văn phòng Chủ tịch nước						1	1			
62	Ban QL Lăng CT Hồ Chí Minh						1	1			
63	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam						1	1			
64	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN						1	1			
65	Hội đồng Lý luận Trung ương						1	1			
66	Hội Nhà Báo Việt Nam						1	1			
67	Tổng Công ty Xi măng VN						1	1			
68	Tổng Công ty thép VN						1	1			
69	Viện NC Lập pháp của UBTV QH	1	1				1	1			
70	UB Quản lý vốn NN tại Doanh nghiệp	20	15		5		38	29		9	
<i>Trong đó, từng cơ quan, đơn vị:</i>											
1	CQ UB QL vốn NN tại doanh nghiệp	7	7				7	7			
2	Tổng Công ty Cà phê VN	5			5		6			6	
3	Tập đoàn Xăng dầu VN	3	3				4	4			
4	Tổng công ty viễn thông Mobifone	2	2				3	3			
5	Tổng Công ty Lâm nghiệp VN	2	2				3	3			
6	Tổng công ty Đường sắt VN	1	1				2	2			
7	Tập đoàn Hóa chất VN						1	1			
8	Tổng công ty Lương thực Miền Nam						1			1	
9	Tập đoàn Điện lực VN						1	1			
10	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam						1	1			
11	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	1	1				2	2			
12	Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam						1	1			
13	Tổng Công ty Lương thực miền bắc						1	1			
14	Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN						1			1	
15	TCT Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước						1	1			
16	TCT đầu tư và phát triển đường cao tốc VN						1	1			
17	Tổng Công ty Cảng Hàng không VN						1			1	
18	TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN						1	1			
TỔNG B		828	696	33	95	4	969	831	25	105	8

Tổng cộng:

TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Hệ tập trung	Hệ không tập trung
1	Các tỉnh, thành phố	3.858	4.617
2	Các cơ quan, đơn vị Trung ương	828	969
TỔNG CỘNG A + B		4.686	5.586